TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 31/2019/HSST
Ngày 27 tháng 11 năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐĂK LĂK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Vinh Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Y Đưng Knul**, ông **Nguyễn Quốc Sự**
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông **Đinh Ngọc Lương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa:*** Ông **Trịnh Quốc Việt** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, Tại trụ sở Toà án nhân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2019/HSST ngày 11 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Đình H1, sinh năm 1954 tại tỉnh B

Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 7/10;

Con ông Lê Đình Ch (Đã chết) và bà Trần Thị T (Đã chết); Vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; Có 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1991.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/6/2019 đến ngày 05/7/2019 được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú "có mặt".

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1961

Trú tại: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk "có mặt".

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Thu H2 – sinh năm 1978

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk "có mặt".

2. Tăng Thị L – sinh năm 1974

Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đăk Lắk "có mặt".

3. Hà Thị Th – sinh năm 1974

Trú tại: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình H1 là chủ Cơ sở kinh doanh dịch vụ cà phê – Bi da – Karaokê gia đình Bin Bin, tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, để thu hút khách đến hát Karaokê, H1 thuê nhân viên phụ nữ để phục vụ khách đến hát. Khoảng tháng 9/2018 Nguyễn Thị Thu H2 – sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đến xin làm nhân viên phục vụ tiếp khách (Bấm bài hát, rót bia và ngồi hát cùng với khách) thì được H1 đồng ý và cho H2 ăn, ở tại nhà không tính tiền và H1 không trả lương cho H2, đổi lại H2 được hưởng tiền từ khách hàng cho (Tiền bo) trong mỗi lần phục vụ khách hát Karaokê. Đến trước ngày 28/6/2019 giữa H2 và H1 đã tự thỏa thuận với nhau nếu khách đến hát Karaokê có nhu cầu mua dâm thì H2 sẽ bán dâm cho khách tại các phòng hát Karaokê với giá 200.000đồng cho một lượt bán dâm, trong đó H2 được hưởng 150.000đồng, H1 được hưởng 50.000đồng. Sáng ngày 28/6/2019 có bà Tăng Thị L – sinh năm 1974 trú tại tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và bà Hà Thị Th – sinh năm 1974, trú tại Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đến xin làm nhân viên phục vụ tiếp khách (Bấm bài hát, rót bia và ngồi hát cùng với khách) như H2 thì được H1 đồng ý.

Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 28/6/2019 ông Nguyễn Văn V – sinh năm 1966, trú tại tổ dân phố 1, phường Th, TP.B, tỉnh Đăk Lắk; ông Võ Văn M – sinh năm 1970 và Nguyễn Việt H3 – sinh năm 1969 đều trú tại phường Th, TP.B, tỉnh Đăk Lắk đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cà phê – Bi da – Karaokê gia đình Bin Bin của Lê Đình H1 với mục đích mua dâm. Tại đây, các ông H3, M, V đánh bi da cá cược với nhau nếu ai thua sẽ chung chi tiền mua dâm cho cả ba người, sau đó M là người thua nên trực tiếp đề nghị H1 cho 03 gái mại dâm, đến bán dâm cho M, H3, V, đồng thời M đưa cho H1 700.000đồng, bao gồm 100.000đồng tiền giờ chơi bi da và 600.000đồng tiền mua dâm đối với 03 gái bán dâm (Mỗi gái bán dâm 200.000đồng). Nhận tiền xong H1 bố trí cho Võ Văn M vào phòng Karaokê số 1 và bảo Nguyễn Thị Thu H2 vào bán dâm cho M; bố trí Nguyễn Văn V vào phòng Karaokê số 2 và bảo Hà Thị Th vào bán dâm cho V; còn Nguyễn Việt H3 vào phòng ngủ của H2 và cho Tăng Thị L vào bán dâm. Đến khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày, khi các đối tượng trên đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an huyện Buôn Đôn phối hợp với Công an tỉnh Đăk Lắk và Đội liên ngành 178 tỉnh Đăk Lắk kiểm tra phát hiện lập biên bản vi phạm quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 bao cao su đã xé vỏ, 10 bao cao su chưa sử dụng;

Thu số tiền 1.400.000đồng trên người Lê Đình H1, trong đó có 700.000đồng là của ông Võ Văn M đưa cho H1.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/6/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn xác định, hiện trường vụ chứa mại dâm xảy ra tại 02 phòng Karaokê và 01 phòng ngủ thuộc khuôn viên nhà của Lê Đình H1, tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS ngày 25/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Giá trị còn lại của 03 căn phòng Lê Đình H1 sử dụng để chứa mại dâm là 20.413.000đồng (Hai mươi triệu bốn trăm mười ba ngàn đồng).

Cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 05/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, truy tố bị cáo Lê Đình H về " Tội chứa mại dâm" quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Đình H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai từ trước đến nay chỉ thực hiện hành vi chứa mại dâm 01 lần vào ngày 28/6/2019 thì bị phát hiện lập biên bản vi phạm quả tang, như cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 05/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn đã truy tố.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là vợ của Lê Đình H1, Cơ sở kinh doanh dịch vụ cà phê – Bi da – Karaokê gia đình Bin Bin, tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của hai vợ chồng. Trong giấy phép kinh doanh là do bà đứng tên nhưng ông Lê Đình H1 là người quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, bà không để ý. Ngày 28/6/2019 ông H1 sử dụng 02 phòng Karaokê và 01 phòng ngủ để chứa mại dâm bà hoàn toàn không biết, vì bà và con hàng ngày đi làm đến tối mới về. Bà Nguyễn Thị L đồng ý nộp ½ giá trị của 03 căn phòng do ông H1 dùng để chứa mại dâm.

Tại phiên tòa Nguyễn Thị Thu H2, Hà Thị Th và Tăng Thị L đều khai nhận khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 28/6/2019 có thực hiện hành vi bán dâm cho 03 khách nam tại các phòng karaoke do ông Lê Đình H1 là chủ thì bị phát hiện lập biên bản vi phạm quả tang. Bà Hà Thị Th và Tăng Thị L cho rằng mình mới đến xin làm nhân viên phục vụ phòng karaoke vào sáng ngày 28/6/2019 và cũng là lần đầu tiên thực hiện hành vi bán dâm tại đây.

Nguyễn Thị Thu H2, Hà Thị Th và Tăng Thị L đã bị Cơ quan công an huyện Buôn Đôn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 300.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Võ Văn M, Nguyễn Văn V và Nguyễn Việt H3 quá trình điều tra không xác minh được 03 đối tượng này hiện nay đang ở đâu, vì vậy đề nghị Cơ quan công an huyện Buôn Đôn tiếp tục xác minh để lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn trình bày quan điểm luận tội đối với bị cáo Lê Đình H1. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 05/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Đình H1 phạm "Tội chứa mại dâm" quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Lê Đình H1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy 03 bao cao su đã qua sử dụng và 10 bao cao su chưa sử dụng;

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 600.000đồng do Lê Đình H1 phạm tội mà có; Trả lại cho Lê Đình H1 số tiền 800.000đồng không liên quan đến tội phạm.

Đề nghị thu của Lê Đình H1 1/2 giá trị còn lại của 03 căn phòng dùng vào việc phạm tội, số tiền là 10.206.500 đồng để sung quỹ nhà nước.

Bị cáo Lê Đình H1 không có ý kiến tranh luận gì thêm đối với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định: Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Đình H1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Thể hiện khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 28/6/2019 bị cáo đã sử dụng 02 phòng Karaokê và 01 phòng ngủ để cho Nguyễn Văn V, Võ Văn M, Nguyễn Việt H3, Nguyễn Thị Thu H2, Tăng Thị L, Hà Thị Th thực hiện hành vi mua bán dâm để thu lợi bất chính thì bị bắt quả tang.

[3] Xét quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn và quan điểm buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận, hành vi của Lê Đình H1 đã cấu thành "Tội chứa mại dâm" Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức con người, nếp sống văn minh và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Lê Đình H1 là người có đủ năng lực trách

nhiệm hình sự và điều khiển được hành vi của mình. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, với mục đích tư lợi cá nhân nên vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 28/6/2019, bị cáo đã thực hiện hành vi chứa mại dâm tại 02 phòng Karaokê và 01 phòng ngủ do mình quản lý để thu lợi bất chính thì bị bắt quả tang. Vì vậy, cần xử phạt với mức án tương xứng với hành vi của bị cáo để giáo dục, cải tạo, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có thành tích xuất sắc trong quân đội và được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba và có anh trai và cậu ruột là liệt sỹ được nhà nước công nhận, quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú ổn định, rõ ràng, hơn nữa bị cáo tuổi đã cao nên không cần áp dụng hình phạt buộc phải cách ly với xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[6] Về xử lý vật chứng: Xét thấy việc đề nghị xử lý vật chứng của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Xét thấy 02 phòng Karaokê và 01 phòng ngủ thuộc khuôn viên nhà của Lê Đình H1, tại thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của vợ chồng Lê Đình H1 và Nguyễn Thị L, bị cáo sử dụng để chứa mại dâm bà Nguyễn Thị L không biết, nên HĐXX thu 1/2 giá trị còn lại của 03 căn phòng, theo kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS ngày 25/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B số tiền 10.206.500 đồng là phù hợp.

[8] Về án phí: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Lê Đình H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đình H1 phạm " Tội chứa mại dâm".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Đình H1 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Đình H1 cho Uỷ ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đăk Lăk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 03 bao cao su đã qua sử dụng và 10 bao cao su chưa sử dụng;

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 600.000đồng do Lê Đình H1 phạm tội mà có; Trả lại cho Lê Đình H1 số tiền 800.000đồng không liên quan đến tội phạm. Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan công an với Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 08/11/2019.

- Buộc Lê Đình H1 phải nộp 1/2 giá trị còn lại của 03 căn phòng dùng vào việc phạm tội, số tiền là 10.206.500 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Lê Đình H1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk lắk;*
- *VKS huyện Buôn Đôn;*
- *Công an huyện Buôn Đôn;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Vụ Giám đốc kiểm tra I, TANDTC;*
- *UBND xã E;*
- *Bị cáo;Đương sư;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn